TÒA ÁN NHÂN DÂN **TH2NH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2021/DS-PT
Ngày: 05-02-2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TH2NH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- TH2nh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Giảng

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Hòa

Ông Nguyễn Bá T1.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thức – Thư ký Tòa án nhân dân TH2nh phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TH2nh phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đức Toàn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân TH2nh phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 648/DSPT ngày 01/12/2020, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 774/2020/DS-ST ngày 13/10/2020 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, TH2nh phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6367/2020/QĐXXPT-DS ngày 16/12/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Mỹ L1, sinh năm 1978.

Địa chỉ: x đường x, Phường x, quận Gò Vấp, TH2nh phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phan Thị V1, sinh năm 1985. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: x đường x, phường x, quận Tân Phú, TH2nh phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 012668, ngày 15/6/2020).

Bị đơn:

1/ Ông Dương Đức T1, sinh năm x.

Địa chỉ: x Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, TH2nh phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Bùi Thị Thu H2, sinh năm x.

Địa chỉ: x đường x, Phường x, quận Phú Nhuận, TH2nh phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm x.(có mặt)

Địa chỉ: x đường x, phường x, Quận 1, TH2nh phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 001547 ngày 01/02/2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 13/8/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn và đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phan Thị V1 trình bày:

Ông Dương Đức T1 và bà Bùi Thị Thu H2 có nhu cầu vay vốn để thực hiện các dự án kinh doanh nên đã vay của bà Võ Mỹ L1 số tiền là 4.256.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 04/2/2020; lãi suất 1,5%/tháng; thời hạn vay vốn từ ngày 04/2/2020 đến ngày 05/8/2020; số tiền vay được thỏa thuận trả tH2nh các đợt với thời hạn như sau:

- Đợt 1: Ngày 10/05/2020 trả 200.000.000 đồng;

- Đợt 2: Ngày 30/5/2020 trả 200.000.000 đồng;

- Đợt 3: Ngày 30/06/2020 trả 2.000.000.000 đồng;

- Đợt 4: Ngày 05/08/2020 trả 1.856.000.000 đồng.

Khi đến hạn thanh toán bà L1 đã yêu cầu ông T1, bà H2 trả nợ với số tiền tương ứng của các đợt thanh toán nêu trên nhưng ông T1, bà H2 không có thiện chí trả nợ. Đến ngày 05/07/2020, ông T1 và bà H2 đã trả cho bà L1 số tiền là 500.000.000 đồng. Đến nay đã quá hạn trả nợ nhưng ông T1 và bà H2 vẫn không thực hiện theo cam kết trong hợp đồng vay tiền. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà L1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Đức T1 và Bùi Thị Thu H2 trả cho bà một lần toàn bộ số tiền gốc là: 3.756.000.000đ và tiền lãi tạm tính như sau:

- Từ ngày 04/02/2020 đến ngày 04/07/2020 là: 4.256.000.000 đồng x 1,5% x 5 tháng = 319.025.096 đồng.

- Từ ngày 05/07/2020 đến ngày 05/08/2020 là: 3.756.000.000 đồng x 1,5% x 1 tháng = 59.272.767 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi mà ông Dương Đức T1 và bà Bùi Thị Thu H2 phải trả đến thời điểm hiện tại là: 3.756.000.000 đồng + 319.025.096 đồng + 59.272.767 đồng = 4.134.297.863 đồng.

Tại bản tự khai ngày 11/9/2020 và trong quá trình xét xử, các đồng bị đơn ông Dương Đức T1 và bà Bùi Thị Thu H2 có người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị Thúy Ngọc trình bày:

Các bị đơn xác nhận có giao dịch vay tiền với bà Võ Mỹ L1 theo hợp đồng vay tiền ngày 04/2/2020 với nội dung ông Dương Đức T1 và bà Bà Thị Thu H2 vay của bà Võ Mỹ L1 số tiền 4.256.000.000 đồng, lãi suất vay 1,5%/tháng, thời hạn vay từ ngày 04/2/2020 đến ngày 05/8/2020. Đây là giấy

vay duy nhất giữa ông T1 bà H2 và bà L1, không còn bất kỳ giấy vay nợ nào khác. Bị đơn xác định chữ viết và chữ ký trên hợp đồng vay tiền là của ông T1 và bà H2, bị đơn đã nhận đủ số tiền 4.256.000.000 đồng. Vào ngày 05/7/2020, bị đơn đã trả cho bà L1 500.000.000 đồng, số tiền nợ còn lại là 3.756.000.000 đồng. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn đồng ý trả tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị được trả nợ làm 4 đợt: Đợt 1 trả số tiền là 1.000.000.000 tỷ vào ngày 31/12/2020; Đợt 2 trả số tiền là 1.000.000.000 tỷ vào ngày 28/2/2021; Đợt 3 trả số tiền là 1.000.000.000 tỷ vào ngày 30/4/2021; Đợt 4 trả hết số tiền nợ còn lại vào ngày 31/5/2021.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến như trình bày trên.

Bản án sơ thẩm số 774/2020/DS-ST ngày 13/10/2020 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, TH2nh phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016; Căn cứ Luật Thi H2nh án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Bà Võ Mỹ L1.

Buộc ông Dương Đức T1 và bà Bùi Thị Thu H2 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Võ Mỹ L1 tổng số tiền là 4.134.297.863 (Bốn tỷ một trăm ba mươi bốn triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc là 3.756.000.000 (Ba tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu đồng); nợ lãi trong hạn từ ngày 04/02/2020 đến ngày 04/07/2020 là 319.025.096 (Ba trăm mười chín triệu không trăm hai mươi lăm nghìn không trăm chín mươi sáu đồng); nợ lãi trong hạn từ ngày 05/07/2020 đến ngày 05/08/2020 là 59.272.767 (Năm mươi chín triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng) theo Hợp đồng vay tiền ngày 04 tháng 02 năm 2020.

Thi H2nh một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dương Đức T1 và bà Bùi Thị Thu H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.134.298 (Một trăm mười hai triệu một trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm chín mươi tám đồng).

Bà Võ Mỹ L1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà L1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 56.066.000 (Năm mươi sáu triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0019178 ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi H2nh án dân sự quận Phú Nhuận, TH2nh phố Hồ Chí Minh.

3. Nghĩa vụ thi H2nh án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi H2nh án xong, bên phải thi H2nh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi H2nh án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng vay tiền ngày 04 tháng 02 năm 2020 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, quyết định tại Bản án sơ thẩm còn tuyên về thủ tục thi H2nh án và quyền kháng cáo.

Ngày 26/10/2020, bị đơn ông Dương Đức T1 và bà Bùi Thị Thu H2 có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ nội dung bản án, yêu cầu Tòa án nhân dân TH2nh phố Hồ Chí Minh xem xét lại phần tiền lãi và yêu cầu cho bị đơn được trả tH2nh nhiều đợt. Lý do: không phù hợp với thực tế khách quan về việc tính số tiền lãi, tình hình kinh tế gia đình bị đơn đang gặp nhiều khó khăn nên không có khả năng trả nợ một lần như bản án đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến về việc chấp H2nh pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, phân tích nhận định về nội dung kháng cáo của đương sự, đã nhận xét và đề nghị như sau:

- Về tố tụng: Giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo: Kháng cáo về tính lãi, về yêu cầu trả dần số nợ của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn có cung cấp 3 chứng từ thể hiện nội dung bị đơn có chuyển trả nợ cho nguyên đơn tổng số tiền 200.000.000 đồng. Do nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nên vấn đề này sẽ do các bên đối trừ tại giai đoạn thi H2nh án.

Đề nghị căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo. Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm đã xác định đúng, đã đưa đủ và xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, việc thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Các nội dung tại vụ án về: Số tiền vay, thời hạn vay, mức lãi suất thỏa thuận, số tiền đã trả và thời gian trả đã được các đương sự trong vụ án thống

nhất thừa nhận, phù hợp với tài liệu chứng cứ sơ thẩm thu thập được có tại hồ sơ vụ án.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn về tính lãi của án sơ thẩm: Các khoản vay hai bên có thỏa thuận về thời hạn trả nợ là ngày 05/8/2020, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, án sơ thẩm đã căn cứ quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xác định khoản lãi bị đơn phải trả là có căn cứ, đúng pháp luật. Đáng lẽ bị đơn còn phải chịu khoản lãi chậm trả và khoản lãi từ ngày chậm trả (ngày 05/8/2020) đến ngày xét xử sơ thẩm. Việc sơ thẩm không buộc bị đơn phải trả các khoản này là do ý chí tự nguyện của nguyên đơn, do nguyên đơn không yêu cầu và không kháng cáo, phần nghĩa vụ này bị đơn không phải thực hiện là đã có lợi cho bị đơn, nay bị đơn kháng cáo việc tính lãi của sơ thẩm đã ảnh hưởng quyền lợi của bị đơn là không có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn về yêu cầu được trả vốn và lãi cho nguyên đơn bằng cách trả dần làm nhiều lần: Khi xác lập giao dịch vay tiền, bị đơn thỏa thuận thời hạn trả nợ chia tH2nh bốn lần, thời hạn cuối trả hết tất cả vốn và lãi là ngày 05/8/2020. Bị đơn đã vi phạm thỏa thuận cam kết về thời hạn thanh toán, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Việc thỏa thuận về cách trả dần số tiền nợ làm nhiều lần thuộc quyền của bên cho vay, nguyên đơn không chấp nhận hình thức trả dần như yêu cầu của bị đơn, do đó không có căn cứ để Hội đồng phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị đơn. Tại giai đoạn thi H2nh án, các bên vẫn có quyền tự nguyện thỏa thuận với nhau về thời hạn trả đối với khoản tiền phải thi H2nh, theo quy định của Luật thi H2nh án dân sự.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn cung cấp 3 chứng từ chuyển khoản qua ngân H2ng TMCP Đông Nam Á, nội dung bà Bùi Thị Thu H2 chuyển trả nợ cho bà Võ Mỹ L1 tổng số tiền 200.000.000 đồng. Hội đồng xét thấy do nguyên đơn vắng mặt nên khoản tiền này sẽ được hai bên đối trừ vào nghĩa vụ phải trả nợ của bị đơn trong giai đoạn thi H2nh bản án, việc này không ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các đương sự.

[6] Từ những cơ sở nhận định trên, xét kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận, bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật nên giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm. Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi H2nh án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 774/2020/DS-ST ngày 13/10/2020 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, TH2nh phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Bà Võ Mỹ L1.

Buộc ông Dương Đức T1 và bà Bùi Thị Thu H2 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Võ Mỹ L1 tổng số tiền là 4.134.297.863 (Bốn tỷ một trăm ba mươi bốn triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng). Trong đó: nợ gốc là 3.756.000.000 (Ba tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu đồng); nợ lãi trong hạn từ ngày 04/02/2020 đến ngày 04/07/2020 là 319.025.096 (Ba trăm mười chín triệu không trăm hai mươi lăm nghìn không trăm chín mươi sáu đồng); nợ lãi trong hạn từ ngày 05/07/2020 đến ngày 05/08/2020 là 59.272.767 (Năm mươi chín triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng) theo Hợp đồng vay tiền ngày 04 tháng 02 năm 2020.

Thi H2nh một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Nghĩa vụ thi H2nh án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi H2nh án xong, bên phải thi H2nh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi H2nh án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng vay tiền ngày 04 tháng 02 năm 2020 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dương Đức T1 và bà Bùi Thị Thu H2 phải chịu là 112.134.298 đồng (Một trăm mười hai triệu, một trăm ba mươi bốn nghìn, hai trăm chín mươi tám đồng).

Bà Võ Mỹ L1 không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà L1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 56.066.000 đồng (Năm mươi sáu triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0019178 ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi H2nh án dân sự quận Phú Nhuận, TH2nh phố Hồ Chí Minh.

Án phí phúc thẩm: Ông Dương Đức T1 và bà Bùi Thị Thu H2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng mỗi người đã nộp 300.000 đồng (Biên lai thu số AA/2019/0019446 ngày 09/11/2020 và AA/2019/0019451 ngày 10/11/2020 của Chi cục Thi H2nh án dân sự quận Phú Nhuận).

Trường hợp bản án, quyết định được thi H2nh theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi H2nh án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi H2nh án dân sự, người phải thi H2nh án dân sự có quyền thỏa

thuận thi H2nh án, quyền yêu cầu thi H2nh án, tự nguyện thi H2nh án hoặc bị cưỡng chế thi H2nh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi H2nh án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi H2nh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi H2nh án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Phú Nhuận;
- THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng (T.20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Hồng Giảng

